

Abtraction

Trừu tượng?

- Che dấu những thực thi chi tiết mà chỉ trọng tâm vào những chức năng quan trọng
- Đưa tập quy định cho các lớp con kế thừa phải triển khai --> thiết kế cho các lớp con

Abtract

- Độ trừu tượng giảm dần: Interface - Abtract Class - Class
- Độ triển khai giảm dần: Class - Abtract Class - Interface

Abtract Class

- Syntax: Access Modifier + abstract + className
- Các thuộc tính
- Các phương thức thực thi
- Các phương thức trừu tượng
  - Syntax: Access Modifier + abstract + returnData + methodName(params);
  - Không có thân --> không có phần triển khai
  - Quy định các lớp con kế thừa thì phải triển khai các phương thức trừu tượng này
- Không có constructor --> không khởi tạo đối tượng được từ lớp trừu tượng
- Trong lớp trừu tượng mới có phương thức trừu tượng

Interface

- Chỉ gồm các phương thức trừu tượng
  - Chỉ gồm các hằng số
  - Khai báo phương thức --> public abstract
  - hằng số --> public
  - N Interface extends M Interface
  - N Class implements M Interface
- Đa kế thừa

List và ArrayList

- Khởi tạo đối tượng danh sách từ List Interface và lớp ArrayList
  - List<DataType> listName = new ArrayList<>()

Comparable Interface

- Cài đặt sắp xếp trong danh sách
- Lớp cần sắp xếp phải kế thừa từ Comparable
- Triển khai phương thức trừu tượng compareTo của Comparable để cài đặt sắp xếp
- Sử dụng phương thức sort của Collection để sắp xếp

Comparator Interface

- Sử dụng phương thức sort của Collection để sắp xếp
- Triển khai sắp xếp theo đối tượng Comparator
- Triển khai phương thức compare để cài đặt sắp xếp